



THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY VÀ HỌC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Quang Dũng, Lê Cát Nguyên, Phạm Đức Thạnh, Dương Anh Tuấn

Khoa Giáo Dục Thể Chất, Đại học Huế - 52 Hồ Đắc Di, tp. Huế, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Lê Quang Dũng <lequangdunghue@gmail.com>

(Ngày nhận bài: 15-11-2021; Ngày chấp nhận đăng: 21-05-2022)

Tóm tắt. Nghiên cứu này được thực hiện để đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác giảng dạy và học tập môn học Giáo dục thể chất (GDTC) tại Đại học Huế. Số liệu nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát 50 cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV) của Khoa GDTC và 435 sinh viên (SV) của các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc Đại học Huế đang học tập chương trình môn học GDTC tại Khoa GDTC. Số liệu nghiên cứu được xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 22.0. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhìn chung, GV Khoa GDTC có nhận thức cao về sự cần thiết của việc ứng dụng CNTT trong quá trình giảng dạy môn học GDTC. Tuy nhiên, vẫn còn không ít nội dung liên quan đến vấn đề ứng dụng CNTT trong dạy và học môn học GDTC như biên soạn giáo án điện tử; sử dụng các phần mềm, thiết bị công nghệ liên quan trực tiếp đến công tác chuyên môn trong lĩnh vực GDTC để xây dựng các học liệu số (video có hiệu ứng làm chậm-tua nhanh, hình ảnh, infographic...) và theo dõi chỉ số vận động của SV (đồng hồ thông minh, dây đeo...); cơ sở vật chất (CSVC) phục vụ việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập môn học GDTC; kỹ năng khai thác các dữ liệu chuyên môn từ mạng internet... cần được quan tâm cải thiện. Kết quả nghiên cứu là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà nghiên cứu, các chủ thể quản lý, các đối tượng có liên quan nghiên cứu, đề xuất những tác động phù hợp, nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong quá trình giảng dạy và học tập môn học GDTC tại Đại học Huế.

Từ khoá. Công nghệ thông tin, giáo dục thể chất, thực trạng, Đại học Huế.

STATUS OF INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN TEACHING AND LEARNING PHYSICAL EDUCATION AT HUE UNIVERSITY

Le Quang Dung, Le Cat Nguyen, Pham Duc Thanh, Duong Anh Tuan

Faculty of Physical Education, Hue University, 52 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

* Correspondence to **Le Quang Dung** <lequangdunghue@gmail.com >

(Received: November 15, 2021; Accepted: May 21, 2022)

Abstract: This study was conducted to evaluate the current status of information technology (IT) application in teaching and learning Physical Education (PE) at Hue University. Data was collected from the survey results of 50 administrators, lecturers of the School of Physical Education and 435 students of member universities and affiliated schools of Hue University who are studying PE program at the School of Physical Education. Research data were processed using the statistical software SPSS 22.0. Research results show that, in general, teachers of the School of Physical Education have a high awareness of the necessity of applying IT in the teaching process of PE. However, there are still many contents which related to the application of IT in teaching and learning PE subjects such as compiling electronic lesson plans; using software and technological equipment directly related to professional work in the field of physical education to build digital learning materials (videos with slow-forward effects, images, infographic...) and track student's movement index (smartwatch, strap...); equipments to serve the application of IT in teaching and learning PE subjects; skills in exploiting specialized data from the internet... need to be improved. This result is a useful reference for researchers, management subjects, and related subjects to research, propose appropriate impacts, and improve the effectiveness of IT application in the research process of teaching and learning PE subjects at Hue University.

Keywords: Information technology, physical education, reality, Hue University.

1. Đặt vấn đề

Tại Việt Nam, thuật ngữ CNTT được giải thích là “tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số”, thông qua các tín hiệu số [11]. Các công cụ kỹ thuật hiện đại chủ yếu là máy tính và viễn thông [4] nên ngày nay, nhiều người thường sử dụng thuật ngữ “CNTT và truyền

thông” (ICT) như một từ có nghĩa rộng hơn và trong nhiều trường hợp có thể thay thế cho CNTT (IT) [4]. Nhìn chung, khi nói đến CNTT trong dạy học, giáo dục, chúng ta cần nói đến ba phương diện: (1) Kho dữ liệu, học liệu số phục vụ cho quá trình dạy học, giáo dục; (2) Các phương tiện, công cụ kỹ thuật hiện đại như máy tính, mạng truyền thông, thiết bị công nghệ với đặc điểm chung là cần nguồn điện năng để vận hành và có thể sử dụng trong dạy học, giáo dục; (3) Phương pháp khoa học, công nghệ, cách thức tổ chức, khai thác, sử dụng, ứng dụng nguồn học liệu số, thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục. Trong phạm vi của nghiên cứu này, chúng tôi quan tâm nhiều hơn đến phương diện ứng dụng CNTT nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của các hoạt động dạy và học môn GDTC [2, Tr. 32-33].

Việc ứng dụng CNTT sẽ giúp quá trình dạy và học môn GDTC trở nên thuận tiện hơn, hướng đến hiệu quả mong đợi. Chẳng hạn, trong những điều kiện bất khả kháng như thời tiết cực đoan hay dịch bệnh, không thể tổ chức các hoạt động dạy học theo cách thông thường, việc ứng dụng CNTT có thể duy trì quá trình dạy học, giáo dục một cách hiệu quả [3]. Bên cạnh đó, CNTT tạo điều kiện cá nhân hóa của GV và SV trong thực hiện nhiệm vụ. GV có thể kịp thời xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện các hồ sơ dạy học, giảm phụ thuộc yếu tố không gian, thời gian. SV có thể chủ động tìm kiếm, thu thập, xử lý dữ liệu để hoàn thành các nhiệm vụ học tập [10]. Không chỉ hỗ trợ GV, HS tìm kiếm, xử lý thông tin, việc ứng dụng CNTT còn cho phép tạo ra các sản phẩm hỗ trợ dạy học như các video có hiệu ứng làm chậm (slow motion), các hình ảnh minh họa, infographic... để giúp SV quan sát rõ hơn kỹ thuật động tác trong quá trình học kỹ thuật mới hoặc sửa sai; theo dõi chỉ số vận động (huyết áp, nhịp tim, tần số bước...) của SV bằng các thiết bị công nghệ như đồng hồ thông minh, dây đeo... (thay vì các biện pháp thủ công như bắt mạch, quan sát sắc mặt, nhịp thở sau vận động) để giúp GV có cơ sở trong việc điều chỉnh lượng vận động một cách hợp lý và phòng tránh chấn thương...[9].

Mặc dù việc ứng dụng CNTT trong công tác GDTC có những ưu điểm rõ rệt như vậy, nhưng qua phân tích thực tiễn giảng dạy, học tập tại Khoa GDTC, chúng tôi nhận thấy việc ứng dụng CNTT trong công tác GDTC vẫn còn nhiều hạn chế, cần có giải pháp phù hợp để khắc phục. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung khảo sát thực trạng ứng dụng CNTT trong quá trình giảng dạy và học tập môn học GDTC tại Khoa GDTC - Đại học Huế. Kết quả khảo sát thực trạng là cơ sở để phân tích, đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu và tìm ra nguyên nhân, từ đó đề xuất các giải pháp ứng dụng CNTT trong dạy và học môn GDTC nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn học GDTC tại Khoa GDTC - Đại học Huế.

2. Khách thể và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu là 50 cán bộ quản lý (CBQL), giảng viên (GV) của Khoa GDTC và 435 sinh viên (SV) của các trường đại học thành viên, các đơn vị thuộc Đại học Huế đang học

tập chương trình môn học GDTC tại Khoa GDTC. Mẫu khách thể nghiên cứu được lựa chọn ngẫu nhiên và rải đều ở các trường thành viên Đại học Huế, đảm bảo tính ngẫu nhiên và mang tính đại diện.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp điều tra viết

- Qua tham khảo công trình nghiên cứu của các tác giả: Phó Đức Hòa và Ngô Quang Sơn, Phạm Thị Lê Hằng, Nguyễn Thị Bích Nguyệt [6], [7], [8], chúng tôi xác định các nội dung của bảng hỏi gồm: (1) Đánh giá của GV Khoa GDTC về sự cần thiết ứng dụng CNTT trong dạy học môn giáo dục thể chất; (2) Đánh giá kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy môn học GDTC của GV Khoa GDTC; (3) Thực trạng ứng dụng CNTT trong giảng dạy của GV Khoa GDTC - Đại học Huế; (4) Thực trạng ứng dụng CNTT trong học tập môn GDTC của sinh viên Đại học Huế.

- Thang đánh giá: để đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy và học môn GDTC tại Khoa GDTC - Đại học Huế, chúng tôi sử dụng thang đo 5 bậc (từ 1 đến 5). Căn cứ vào điểm trung bình (ĐTB) của các nội dung khảo sát để đưa ra nhận định. ĐTB cao thể hiện nội dung đó được đánh giá cao theo hướng tích cực. Khoảng phân biệt giữa các mức độ là 0,8 [theo công thức $(\text{Max} - \text{Min})/n$], như vậy ĐTB quy ước cho các mức độ là:

- + Mức 1 (thấp nhất): $1 \leq \text{ĐTB} < 1.8$ (hoàn toàn không đồng ý/ kém)
- + Mức 2: $1.8 \leq \text{ĐTB} < 2.6$ (không đồng ý/ yếu)
- + Mức 3: $2.6 \leq \text{ĐTB} < 3.4$ (phân vân/ trung bình)
- + Mức 4: $3.4 \leq \text{ĐTB} < 4.2$ (đồng ý/ khá)
- + Mức 5 (cao nhất): $4.2 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ (hoàn toàn đồng ý/ tốt)

- Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 5/2021 đến tháng 7/2021.

2.2.2. Phương pháp phỏng vấn

- Nội dung phỏng vấn giúp tác giả hiểu sâu hơn về kết quả khảo sát, phục vụ cho việc phân tích, đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy và học môn GDTC tại Khoa GDTC - Đại học Huế. Kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi là cơ sở xác định các vấn đề cần tìm hiểu sâu hơn và làm cơ sở thiết kế đề cương phỏng vấn.

- Thời gian tiến hành phỏng vấn sâu: tháng 8/2021.

2.2.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng thống kê toán học, phần mềm SPSS 22.0 để xử lý số liệu, lập bảng, biểu để phân tích ĐTB và độ lệch chuẩn (ĐLC), từ đó đưa ra kết luận của các kết quả nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn giáo dục thể chất

3.1.1. Thực trạng nhận thức của giảng viên Khoa giáo dục thể chất về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Nhằm xác định tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC tại Khoa giáo dục thể chất, chúng tôi tiến hành khảo sát để đánh giá nhận thức của GV Khoa GDTC về sự cần thiết ứng dụng CNTT trong dạy học môn học GDTC, nội dung đánh giá được trình bày ở bảng 1:

Bảng 1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên Khoa Giáo dục thể chất về sự cần thiết ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn học giáo dục thể chất (n=50)

TT	Vai trò của ứng dụng CNTT trong dạy học	ĐTB	ĐLC
1	Góp phần nâng cao chất lượng giáo dục	5.00	0.00
2	Nâng cao hiệu quả trong nghiên cứu khoa học	4.55	0.69
3	Nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học	4.67	0.45
4	Công cụ đắc lực hỗ trợ đổi mới phương pháp giảng dạy	4.26	0.88
	Trung bình chung (TBC)	4.62	0.51

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tất cả các nội dung đánh giá về sự cần thiết ứng dụng CNTT trong dạy học môn học GDTC đều được các CBQL, GV Khoa GDTC đánh giá ở mức tốt (mức 5: $4.2 \leq \text{ĐTB} \leq 5$) với điểm TBC = 4.62. Điều này cho thấy các GV của Khoa đều có nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong dạy học môn học GDTC để đáp ứng yêu cầu của xã hội trong giai đoạn hiện nay.

3.1.2. Thực trạng kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy của giảng viên Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

Ngoài việc khảo sát để xác định tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC, chúng tôi tiếp tục khảo sát để đánh giá năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC của GV Khoa GDTC trong thực tế. Kết quả đánh giá được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy môn học giáo dục thể chất của giảng viên Khoa Giáo dục thể chất (n=50)

TT	Kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy	ĐTB	ĐLC
1	Kiến thức về CNTT và khả năng cập nhật kiến thức về CNTT	3.87	0.59
2	Kỹ năng sử dụng máy tính	3.52	0.78
3	Kỹ năng khai thác và sử dụng Internet	3.67	0.44
4	Kỹ năng khai thác và sử dụng kho dữ liệu điện tử	2.18	0.95
5	Kỹ năng thiết kế và sử dụng giáo án có ứng dụng CNTT, giáo án điện tử	2.21	0.52
6	Kỹ năng sử dụng các thiết bị CNTT vào các giờ dạy/nội dung dạy học cụ thể, đặc thù của môn học GDTC	2.34	1.25
	TBC	2.96	0.71

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Qua kết quả ở bảng 2 cho thấy, nhìn chung, đánh giá của CBQL, GV Khoa GDTC về kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy môn học GDTC của GV Khoa GDTC - ĐHH ở mức độ trung bình (TBC = 2.96, mức 3: $2.6 \leq \text{ĐTB} < 3.4$). Trong đó có 3 nội dung được đánh giá ở mức độ khá (mức 4: $3.4 \leq \text{ĐTB} < 4.2$). Cụ thể gồm: “Kỹ năng sử dụng máy tính” (ĐTB = 3.52), “Kỹ năng khai thác và sử dụng Internet” (ĐTB = 3.67), “Kiến thức về CNTT và khả năng cập nhật kiến thức về CNTT” (ĐTB = 3.87). Bên cạnh đó, có 3 nội dung được các GV đánh giá ở mức độ yếu (mức 2: $1,8 \leq \text{ĐTB} < 2,6$) gồm: “Kỹ năng thiết kế và sử dụng giáo án có ứng dụng CNTT, giáo án điện tử” (ĐTB = 2.21), “Kỹ năng sử dụng các thiết bị CNTT vào các giờ dạy/nội dung dạy học cụ thể, đặc thù của môn học GDTC” (ĐTB = 2.34) và “Kỹ năng khai thác và sử dụng kho dữ liệu điện tử” (ĐTB = 2.18). Những đánh giá này cho thấy: các kỹ năng thiết kế giáo án điện tử và sử dụng các phần mềm chuyên biệt của môn học GDTC còn hạn chế, dữ liệu điện tử về lĩnh vực GDTC chưa có nhiều ở thư viện điện tử của Đại học Huế dẫn đến GV Khoa GDTC ít sử dụng kho dữ liệu điện tử này.

3.1.3. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động giảng dạy của giảng viên Khoa Giáo dục thể chất - Đại học Huế

Sau khi nghiên cứu nhận thức và năng lực ứng dụng CNTT của GV trong dạy học môn GDTC, chúng tôi tiếp tục nghiên cứu đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy của GV Khoa GDTC. Kết quả đánh giá được trình bày tại bảng 3:

Bảng 3: Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy của giảng viên Khoa Giáo dục thể chất (n=50)

TT	Ứng dụng CNTT trong giảng dạy	ĐTB	ĐLC
1	<i>Ứng dụng CNTT trong việc tổ chức dạy học:</i>		
1.1	Soạn thảo văn bản (tài liệu, đề thi...)	4.87	0.54
1.2	Tính toán, xử lý điểm cho sinh viên	4.42	0.22
1.3	Sử dụng Internet trong khai thác sử dụng, lưu trữ và chia sẻ tư liệu, tài nguyên hỗ trợ giảng dạy	3.58	0.87
1.4	Thiết kế và sử dụng giáo án có ứng dụng CNTT (các phương tiện ghi, phát hình ảnh, đo các chỉ số vận động...)	2.35	0.65
1.5	Thiết kế và sử dụng giáo án điện tử	2.12	0.94
1.6	Trao đổi thông tin qua thư điện tử (email)	4.62	0.31
1.7	Sử dụng phòng học đa phương tiện để giảng dạy	2.41	0.85
	TBC	3.48	0.72
2	<i>Ứng dụng CNTT trong xây dựng nội dung, chương trình, giáo án</i>		
2.1.1	Word	4.11	0.48
2.1.2	PowerPoint	3.96	0.55
2.1.3	Excel	4.06	0.47
2.1.4	Phần mềm có chức năng đo các chỉ số vận động	2.44	0.87
2.1.5	Phần mềm có chức năng thu phát hình ảnh	3.15	0.95
2.1.6	Phần mềm khác	2.95	0.64
	TBC	3.47	0.66
3	<i>Ứng dụng CNTT trong khai thác tiện ích phục vụ việc dạy học (Nguồn học liệu chủ yếu mà giảng viên dùng để thiết kế giáo án điện tử) (chọn nhiều phương án):</i>		
3.1	Tự lực khai thác trên mạng Internet, đĩa CD-ROM...	3.22	0.74
3.2	Hỗ trợ từ đồng nghiệp, tổ chuyên môn	3.16	0.63
3.3	Kho học liệu điện tử của Đại học Huế	2.14	0.55

3.4	Học liệu lấy được do kết hợp nhiều nguồn	3.35	0.51
	TBC	2.96	0.6
4	Ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá kết quả giảng dạy (chọn nhiều phương án):		
4.1	Xây dựng ngân hàng câu hỏi để dùng cho các bài kiểm tra	3.35	0.81
4.2	Sử dụng phần mềm cho sinh viên làm kiểm tra trực tiếp trên máy tính	3.32	0.92
4.3	Sử dụng các ứng dụng để lưu trữ, sắp xếp điểm, lọc dữ liệu... để xử lý kết quả kiểm tra	3.21	0.63
	TBC	3.29	0.78

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Từ kết quả ở bảng 3 cho thấy, trong mục 1: **Ứng dụng CNTT trong việc tổ chức dạy học** có 7 nội dung thì có 3 nội dung được các GV đánh giá tốt (mức 5: $4.2 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), đó là: “Soạn thảo văn bản (tài liệu, đề thi...)”, “Tính toán, xử lý điểm cho sinh viên” và “Trao đổi thông tin qua thư điện tử (email)”. Bên cạnh đó có 1 nội dung được đánh giá khá (mức 4: $3.4 \leq \text{ĐTB} < 4$) là “Sử dụng Internet trong khai thác sử dụng, lưu trữ và chia sẻ tư liệu, tài nguyên hỗ trợ giảng dạy”. Và có 3 nội dung được đánh giá yếu (mức 2: $1,8 \leq \text{ĐTB} < 2,6$) gồm: “Thiết kế và sử dụng giáo án điện tử”, “Thiết kế và sử dụng giáo án có ứng dụng CNTT (các phương tiện ghi, phát hình ảnh, đo các chỉ số vận động...)” và “Sử dụng phòng học đa phương tiện để giảng dạy”, qua đây cho thấy việc sử dụng giáo án điện tử và sử dụng các phần mềm chuyên biệt phục vụ chuyên môn trong giờ dạy của GV Khoa GDTC còn hạn chế, một trong những nguyên nhân là do Khoa GDTC chưa có phòng học đa phương tiện. Đánh giá chung cho mục này ở mức khá (mức 4, $3.4 \leq \text{ĐTB} = 3.48 < 4$).

Ở mục 2: **Ứng dụng CNTT trong xây dựng nội dung, chương trình, giáo án (phần mềm)** có 6 nội dung, trong đó có 2 nội dung được các GV đánh giá khá (mức 4: $3.4 \leq \text{ĐTB} \leq 4.2$) gồm: Sử dụng tốt “Word” (ĐTB = 4.72), “Power Point” (ĐTB = 3.96) và “Excel” (ĐTB = 4.56). Bên cạnh đó có 2 nội dung được các GV đánh giá trung bình (mức 3: $2.6 \leq \text{ĐTB} < 3.4$). Cụ thể: “Phần mềm có chức năng thu phát hình ảnh” và “Phần mềm khác”. Có 01 nội dung được đánh giá yếu là “Phần mềm có chức năng đo các chỉ số vận động” (mức 2: $1.8 \leq \text{ĐTB} = 2.44 < 2.6$). Điều này cho thấy việc ứng dụng các phần mềm chuyên biệt cho việc giảng dạy môn học GDTC tại Khoa GDTC còn hạn chế.

Ở mục 3: **Ứng dụng CNTT trong khai thác tiện ích phục vụ việc dạy học** có 4 nội dung, trong đó có 3 nội dung được các GV đánh giá mức trung bình (mức 3: $2.6 \leq \text{ĐTB} < 3.4$), chỉ có nội dung “Kho học liệu điện tử của Đại học Huế” được các GV đánh giá mức yếu (mức 2: $1.8 \leq$

ĐTB < 2.6) do kho học liệu điện tử của Đại học Huế còn có ít thông tin liên quan đến lĩnh vực GDTC dẫn đến GV ít sử dụng Kho học liệu điện tử của Đại học Huế.

Ở mục 4: **Ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá kết quả giảng dạy**, có 3 nội dung đều được các GV đánh giá mức trung bình (mức $3: 2.6 \leq \text{ĐTB} < 3.4$) với điểm chung bình chung: 3.29.

3.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học môn GDTC của sinh viên Đại học Huế

Chúng tôi đã tiến hành tìm hiểu về thực trạng việc áp dụng CNTT trong học tập các môn học GDTC của SV. Chúng tôi tiến hành khảo sát 435 SV Đại học Huế. Kết quả được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập môn học giáo dục thể chất của sinh viên Đại học Huế (n= 435)

TT	Ứng dụng CNTT trong học tập môn học GDTC	ĐTB	ĐLC
1	Đọc và tham khảo các thông tin liên quan đến GDTC và TDTT	3.86	0.35
2	Tự tập trong các giờ ngoại khóa	2.45	0.78
3	Tham khảo qua bạn bè	3.15	0.56
4	Từ sự truyền đạt của thầy cô	2.23	0.45
5	Sử dụng giáo cụ trực quan: hình vẽ, ảnh, sơ đồ...	3.12	0.67
6	Sử dụng băng đĩa hình và video clip	3.34	0.51
7	Tìm hiểu kỹ thuật các môn học GDTC qua mạng Internet	2.87	0.98
8	Sử dụng phần mềm có chức năng đo các chỉ số vận động	2.57	0.74
9	Sử dụng phần mềm có chức năng thu phát hình ảnh	2.44	0.55
	TBC	2.89	0.62

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$

Kết quả của bảng 4 cho thấy: Nhìn chung SV đánh giá nội dung này ở mức trung bình (mức 3: $2.6 \leq \text{ĐTB} = 2.89 < 3.4$). Trong 9 nội dung đánh giá, có 5 nội dung được đánh giá ở mức trung bình (mức 3: $2.6 \leq \text{ĐTB} < 3.4$) gồm: “Đọc và tham khảo các thông tin liên quan đến GDTC và TDTT”, “Tham khảo qua bạn bè”, “Sử dụng giáo cụ trực quan: hình vẽ, ảnh, sơ đồ...”, “Sử dụng băng đĩa hình và video clip” và “Tìm hiểu kỹ thuật các môn học GDTC qua mạng

Internet". Có 4 nội dung được SV đánh giá yếu (mức 2: $1.8 \leq \text{ĐTB} < 2.6$), đó là "Tự tập trong các giờ ngoại khóa", "Từ sự truyền đạt của thầy cô", "Sử dụng phần mềm có chức năng đo các chỉ số vận động" và "Sử dụng phần mềm có chức năng thu phát hình ảnh". Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy SV Đại học Huế ứng dụng CNTT trong học tập môn GDTC còn hạn chế do thiếu sự truyền đạt của thầy cô và chưa ứng dụng các phần mềm chuyên biệt phục vụ cho môn học.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhìn chung, GV Khoa GDTC có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của việc ứng dụng CNTT trong công tác giảng dạy môn học GDTC cho SV Đại học Huế. Kiến thức và kỹ năng cơ bản về ứng dụng CNTT của GV Khoa GDTC cũng được đánh giá ở mức khá. Tuy nhiên cũng có những nội dung về ứng dụng CNTT trong thực tiễn giảng dạy và học tập môn học GDTC chỉ được CBQL, GV và SV đánh giá ở mức trung bình, nguyên nhân chủ yếu là do tính đặc thù của môn học GDTC, với các bài tập vận động ngoài sân bãi, phòng tập nên ít có điều kiện tiếp xúc với CNTT như các môn học khác. Đặc biệt, có một số nội dung được đánh giá ở mức yếu do CSVC phục vụ cho việc ứng dụng CNTT cho việc dạy và học môn GDTC tại Đại học Huế còn hạn chế, như phòng đa phương tiện để giảng dạy, kho học liệu điện tử của Đại học Huế chưa đáp ứng yêu cầu chuyên môn; GV và SV chưa đầu tư nhiều công cụ chuyên biệt ứng dụng CNTT trong dạy và học môn học GDTC; việc biên soạn giáo án điện tử của GV cũng còn gặp nhiều hạn chế.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng ứng dụng CNTT trong công tác dạy và học môn GDTC tại Khoa GDTC - Đại học Huế, chúng tôi nhận thấy cần thiết phải có những tác động phù hợp để nâng cao hiệu quả, chất lượng ứng dụng CNTT trong công tác GDTC trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và cuộc cách mạng 4.0 hiện nay. Theo đó, cần tập trung thực hiện các biện pháp sau: (1) Xây dựng chuẩn đánh giá ứng dụng CNTT cho GV làm cơ sở để Khoa không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giảng dạy; (2) Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ GV của Khoa về ứng dụng CNTT trong dạy học môn GDTC; (3) Đại học Huế, Khoa GDTC, GV và SV cần phối hợp đầu tư để đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất và nguồn học liệu điện tử về lĩnh vực GDTC của Đại học Huế nhằm đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT của người dạy và người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư số 12/2016/TT-BGDĐT ngày 22/4/2016 của Bộ GDĐT về quy định ứng dụng CNTT trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng*.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Tài liệu hướng dẫn bồi dưỡng giáo viên phổ thông cốt cán Mô đun 9 "Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục học sinh trung học phổ thông môn Giáo dục thể chất"*.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), *Công văn số: 4096/BGDĐT-CNTT v/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2021 – 2022*.
4. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (1993), *Nghị quyết 49/CP ngày 04/8/1993 của Chính phủ về phát triển CNTT ở nước ta trong những năm 90*.
5. Gils, P. V (2004), *Công nghệ thông tin trong giáo dục*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Phạm Thị Lệ Hằng (2018), *Quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường trung học cơ sở thành phố Hà Nội đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục Học viện Chính trị, Hà Nội.
7. Phó Đức Hoà, Ngô Quang Sơn (2008), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
8. Nguyễn Thị Bích Nguyệt (2021), *Vai trò của việc ứng dụng công nghệ trong dạy và học đại học hiện nay*, *Tạp chí công thương*, số (12)/2021.
9. *Tạp chí quốc tế về nghiên cứu đa ngành và học thuật (SSIJMAR)*, tập 2, số 4, tháng 7-8 (ISSN 2278-5973). Truy cập ngày 6 tháng 11 năm 2020 từ <<http://ssijmar.in/vol2no4/vol2no4.5.pdf>>.
10. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 về Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động dạy - học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025” theo Kế hoạch số 345/KH-BGDĐT của Bộ GD-ĐT*.
11. Văn phòng Quốc Hội (2017), *Văn bản hợp nhất số 10/VBHN-VPQH ngày 12/12/2017 về hợp nhất Luật CNTT số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017*.